

Số: **1968** /QĐ-SYT

Lai Châu, ngày **25** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019**
cho các đơn vị dự toán trực thuộc Sở Y tế

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Y tế.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 được giao, Thủ trưởng các đơn vị dự toán tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

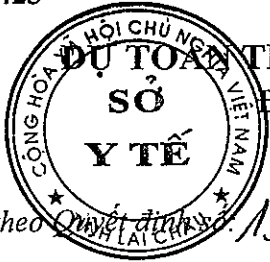
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Sở Y tế, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế và Thủ trưởng các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *VB*

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở; (Báo cáo)
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch; (Gửi qua ĐVSDNS)
- Lưu: VT, KH -TC.



Nguyễn Văn Đồi



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Than Uyên

Mã số: 1065696

Mã KBNN nơi giao dịch: 3165

(Kèm theo Quyết định số 1968/QĐ-SYT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Sở Y tế tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã loại, khoản	Mã Chương trình mục tiêu	Mã nguồn	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách nguồn thu sự nghiệp				26.227.000.000
1	Số thu sự nghiệp				26.227.000.000
	Bệnh viện				21.490.000.000
	Trạm Y tế				4.737.000.000
	Chi từ nguồn thu				26.227.000.000
-	Bệnh viện				21.490.000.000
+	Chi từ nguồn thu đảm bảo tiền lương				4.854.000.000
+	Thu để lại tạo nguồn cải cách tiền lương				374.000.000
+	Chi từ nguồn thu được để lại				16.262.000.000
+	Thu sự nghiệp nộp NSNN				-
-	Trạm Y tế				4.737.000.000
+	Chi từ nguồn thu đảm bảo tiền lương				553.000.000
+	Thu để lại tạo nguồn cải cách tiền lương				221.000.000
+	Chi từ nguồn thu được để lại				3.963.000.000
+	Thu sự nghiệp nộp NSNN				-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				38.462.000.000
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				38.462.000.000
1.1	Bệnh viện	130.132			19.164.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (1)			13	12.063.000.000
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương			14	75.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (2)			12	7.101.000.000
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương			14	205.000.000
1.2	Trạm Y tế xã, phường, thị trấn	130.132			11.030.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (3)			13	9.782.000.000
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương			14	57.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (4)			12	1.248.000.000

Handwritten signature

STT	Nội dung	Mã loại, khoản	Mã Chương trình mục tiêu	Mã nguồn	Tổng số
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>			14	36.000.000
1.3	Đội Y tế tư phòng	130.131			5.173.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (5)			13	5.173.000.000
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>			14	41.000.000
1.4	Nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản	130.139			1.860.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (6)			12	1.860.000.000
1.5	Đề án Methadone (Cơ sở điều trị, cơ sở cấp phát thuốc Methadone)	130.139			1.235.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (7)			12	1.235.000.000

Ghi chú:

(1) Bao gồm: KP chi lương, phụ cấp có tính chất lương, các khoản đóng góp theo quy định: 10.438.000.000 đồng (*Tổng dự toán: 15.292.000.000 đồng; Trong đó: nguồn thu đảm bảo: 4.854.000.000 đồng; NSNN cấp: 10.438.000.000 đồng*); KP chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên: 1.500.000.000 đồng; KP phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW ngày 24/6/2008: 26.000.000 đồng; KP hoạt động công tác đảng: 25.000.000 đồng; KP tiền lương cán bộ hợp đồng có thời hạn: 74.000.000 đồng.

(2) Bao gồm: KP thuê quan trắc, phân tích môi trường: 326.000.000 đồng; KP thuê phần mềm quản lý khám chữa bệnh: 264.000.000 đồng; KP mua bảo hiểm cháy nổ tài sản, trang thiết bị: 20.000.000 đồng; KP mua túi Nilon, hóa chất xử lý nước thải y tế, men xử lý bể phốt, bột thông cống: 188.000.000 đồng; KP thuê vận hành trạm biến áp: 17.000.000 đồng; KP mua dầu chạy máy nổ: 80.000.000 đồng; KP thuê vận chuyển rác thải sinh hoạt: 84.000.000 đồng; KP thuê cấp phép hoạt động và hoàn thành bảo vệ môi trường lò đốt rác thải y tế: 120.000.000 đồng; KP mua bảo hiểm trách nhiệm trong khám chữa bệnh (TT 210/2015/TT-BTC): 45.000.000 đồng; KP thuê vệ sinh công nghiệp bệnh viện: 1.860.000.000 đồng; KP nâng cấp cải tạo, sửa chữa bệnh viện và mua sắm lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy: 2.800.000.000 đồng; KP bảo dưỡng, sửa chữa lò đốt rác thải y tế: 165.000.000 đồng; KP thuê kiểm định máy móc trang thiết bị y tế: 200.000.000 đồng; KP bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế: 507.000.000 đồng; KP chi bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải y tế: 175.000.000 đồng; KP sửa chữa xe ô tô 25C - 0241, xe 25M-00051: 250.000.000 đồng.

(3) Bao gồm: KP lương, phụ cấp có tính chất lương và các khoản đóng góp theo quy định: 8.561.000.000 đồng (*Tổng dự toán: 9.114.000.000 đồng; Trong đó: nguồn thu đảm bảo: 553.000.000 đồng; NSNN cấp: 8.561.000.000 đồng*); KP theo định mức: 1.142.000.000 đồng; KP tiền lương cán bộ hợp đồng có thời hạn: 79.000.000 đồng.

(4) Bao gồm: KP thuê phần mềm quản lý khám chữa bệnh (12 trạm): 216.000.000 đồng; KP thuê quan trắc, phân tích môi trường 12 trạm y tế: 322.000.000 đồng; KP mua trang thiết bị văn phòng cho các Trạm y tế xã: Mường Than, Phúc Than, Khoen On, Tà Mung: 110.000.000 đồng; KP mua sắm lắp đặt hệ thống xử lý nước thải y tế cho 02 trạm y tế xã: Mường Than, Hua Nà: 450.000.000 đồng; KP bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế: 150.000.000 đồng.

(5) Bao gồm: KP lương, phụ cấp có tính chất lương và các khoản đóng góp theo quy định: 4.363.000.000 đồng; KP theo định mức: 810.000.000 đồng.

(6) Bao gồm: KP phụ cấp nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản: 1.860.000.000 đồng.

(7) Bao gồm: KP thực hiện Đề án triển khai điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone: 1.235.000.000 đồng.